

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

(Giấy chứng nhận ĐKKD 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 18/05/2012 số 3600977120)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số /UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2012)



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH (NTWA)

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Đường 319B, X. Hiệp Phước, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
Điện thoại: (84-61) 3.560.574 Fax: (84-61) 3.560.031
Website: ntw.com.vn Email:

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)

Địa chỉ: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (84-8) 3914.4290 Fax: (84-8) 3914.2295
Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Số điện thoại: (84-61) 3.560.574

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Fax: (84-61) 3.560.031



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH (NTWA)

(Giấy chứng nhận ĐKKD 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 18/05/2012 số 3600977120)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | | |
|-------------------------|---|--|
| Tên cổ phiếu | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch |
| Loại cổ phiếu | : | Cổ phiếu phổ thông |
| Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phần |
| Giá chào bán | : | 10.500 đồng/cổ phần |
| Tổng số lượng phát hành | : | 2.000.000 cổ phần |

❖ Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. ĐaKao, Q.1, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3.827.5026 Fax: (84-8) 3.827.5027
Website: www.horwathdtl.com Email:

❖ Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)

Địa chỉ: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (84-8) 3914.4290 Fax: (84-8) 3914.2295
Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 4 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 4 |
| 2. Rủi ro về luật pháp..... | 4 |
| 3. Rủi ro đặc thù ngành..... | 4 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu | 6 |
| 5. Rủi ro pha loãng sau khi chào bán cổ phiếu | 6 |
| 6. Rủi ro khác..... | 7 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 8 |
| 1. Tổ chức phát hành | 8 |
| 2. Tổ chức tư vấn phát hành | 8 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 8 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 9 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 9 |
| 2. Cơ cấu tổ chức của NTWA..... | 10 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của NTWA..... | 10 |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông: | 12 |
| 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của NTWA, những công ty mà NTWA đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với NTWA | 14 |
| 6. Hoạt động kinh doanh..... | 14 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2010, 2011 và Quý 1/2012..... | 18 |
| 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành..... | 19 |
| 9. Chính sách đối với người lao động..... | 20 |
| 10. Chính sách cổ tức..... | 21 |
| 11. Tình hình tài chính..... | 21 |
| 12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng..... | 25 |
| 13. Tài sản:..... | 35 |
| 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2012 | 36 |
| 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức: | 38 |



| | |
|---|----|
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa được thực hiện của NTWA | 38 |
| 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu chào bán | 39 |
| V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN. | 39 |
| 1. Loại cổ phiếu | 39 |
| 2. Mệnh giá | 39 |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán | 39 |
| 4. Giá chào bán dự kiến | 39 |
| 5. Phương pháp tính giá..... | 39 |
| 6. Phương thức phân phối..... | 39 |
| 7. Thời gian phân phối cổ phiếu: | 40 |
| 8. Đăng ký mua cổ phiếu | 40 |
| 9. Phương thức thực hiện quyền..... | 41 |
| 10. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài | 43 |
| 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: | 43 |
| 12. Các loại thuế có liên quan..... | 43 |
| 13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu | 44 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN: | 44 |
| 1. Mục đích chào bán..... | 44 |
| 2. Phương án khả thi | 44 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 45 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN | 45 |
| 1. Tổ chức phát hành | 45 |
| 2. Tổ chức kiểm toán | 45 |
| 3. Tổ chức tư vấn | 45 |
| IX. PHỤ LỤC | 46 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Quá trình phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam gắn kết với những biến đổi của nền kinh tế Thế giới, do vậy nền kinh tế trong nước sẽ gánh chịu nhiều yếu tố tác động mang tính hệ thống. Đó là sự tăng trưởng hoặc suy thoái kinh tế toàn cầu, là những thay đổi về nhu cầu tiêu thụ của các thị trường nước ngoài, hay chính sách đầu tư của các công ty đa quốc gia,... Bất kỳ sự thay đổi của nền kinh tế Thế giới sẽ gây những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế trong nước. Những thay đổi về chính sách kinh tế và các yếu tố kinh tế vĩ mô như chính sách tiền tệ, tốc độ tăng trưởng kinh tế, hay lạm phát đều sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, do tính chất và phạm vi phục vụ khá ổn định của ngành cấp nước nên ảnh hưởng của các rủi ro kinh tế đối với Công ty là không nhiều. Hơn thế nữa, ngành cấp nước là ngành tiện ích, chủ yếu cung cấp cho nhu cầu thiết yếu của người dân và của xã hội do đó các nhân tố kinh tế tác động đến ngành này là không đáng kể.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, và chắc chắn sẽ có những thay đổi nhất định theo quá trình hội nhập và phát triển. Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Những nội dung thay đổi, điều chỉnh hay bổ sung liên quan đến các Luật này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra do lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là kinh doanh nước sạch nên các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về nhân lực

Ngành cấp nước luôn cần một lực lượng lớn nhân công lao động có tay nghề, do đó Công ty luôn chuẩn bị những nguồn lao động dự phòng thường xuyên để tuyển dụng và có hướng đào tạo nâng cao trình độ của lực lượng lao động. Tuy nhiên, với nhu cầu của cuộc sống ngày càng cao, những yêu cầu, đòi hỏi từ nguồn nhân lực về việc đảm bảo các chế độ, chính sách đã tạo một sức ép không nhỏ cho những người quản lý và điều hành Công ty. Do vậy, để giảm thiểu sự rủi ro về nhân lực, Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách ưu đãi, tạo ra môi trường làm việc tốt nhất nhằm khuyến khích và động viên để có thể giữ vững sự ổn định cho nguồn nhân lực của Công ty.

Các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty là những cán bộ có trình độ, có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành cấp nước, thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực quản lý; cán bộ cấp trung đa số là những cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chịu khó học hỏi và năng động trong công việc. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động, do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao và cấp trung là thấp.

3.2. Rủi ro nguyên vật liệu, giá cả các yếu tố đầu vào

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty là nguồn nước ngầm mà Công ty khai thác được. Công ty sử dụng các nguyên phụ liệu để xử lý nước bao gồm Clo (Cl_2) và Natri Hydroxyt (NaOH). Các loại hóa chất này chủ yếu được Công ty mua từ Công ty TNHH Một thành viên hóa chất Cơ bản Miền Nam và Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên hóa chất Cơ bản Miền Nam). Nguồn cung cấp nguyên liệu cho công ty nhìn chung khá ổn định do Công ty và các nhà cung cấp có mối quan hệ gắn bó từ rất lâu. Do đó rủi ro về nguyên vật liệu cung cấp là không đáng kể.

Hầu hết các nguyên phụ liệu Công ty đều mua từ các nhà cung cấp trên nên giá cả và chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thêm vào đó, tình hình lạm phát cao sẽ khiến cho biên độ lợi nhuận của Công ty bị thu hẹp do sự gia tăng giá thành sản xuất

3.3. Rủi ro về mạng lưới hoạt động

Hệ thống mạng lưới của Công ty bao phủ trên địa bàn rộng nên việc kiểm soát chặt chẽ là rất khó khăn. Tình trạng xâm phạm hành lang an toàn các tuyến ống diễn ra ngày một nhiều hơn, công tác bảo vệ nguồn nước để phòng chống các chất thải gây ô nhiễm nguồn là những vấn đề ngày càng phức tạp đòi hỏi sự góp sức của nhiều đơn vị liên quan và cả cộng đồng. Mức độ thất thoát nước trong quá trình chuyển tải cũng là một rủi ro đáng lưu ý đối với kết quả kinh doanh của Công ty. Với những khó khăn như trên, Công ty đã bố trí các cán bộ chuyên trách định kỳ kiểm tra và rà soát hệ thống mạng lưới nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới

3.4. Rủi ro về lãi suất

Chính sách tiền tệ đang có nhiều thay đổi, sự biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vốn vay của Công ty hiện tại và trong tương lai, đặc biệt khi Công ty có nhu cầu vay vốn để đáp ứng cho nhu cầu đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh của mình

3.5. Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc thù của ngành, Công ty buộc phải đầu tư dự án cấp nước đón đầu quy hoạch dân cư, khu công nghiệp với chi phí đầu tư lớn. Tuy nhiên nếu tốc độ triển khai các dự án đầu tư chậm và sự thay đổi điều chỉnh chính sách, quy hoạch thì việc đầu tư các dự án này sẽ gặp nhiều rủi ro. Mặc dù vậy, do địa bàn hoạt động của Công ty là địa phương có tốc độ đô thị hóa khá cao, triển vọng phát triển kinh tế - xã hội có nhiều thuận lợi, nên rủi ro này không

phải là điều quá lo ngại.

Là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành cấp nước nên ít nhiều vẫn mang tính chất công ích, phục vụ cộng đồng. Đặc biệt là việc cung cấp nước sạch đến các xã anh hùng, vùng nông thôn, khu vực đặc biệt khó khăn... với chi phí cao mà giá bán chưa hợp lý, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phiếu

Đợt phát hành có thể diễn ra không thành công nếu số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn so với số lượng sổ phiếu chào bán theo kế hoạch trong thời hạn được cấp phép chào bán. Tuy nhiên, trong phương án phát hành, Công ty cũng đưa ra phương án xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần không được cổ đông mua hết theo phương thức thực hiện quyền mua. ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập phương án phân phối trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông, phù hợp với điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Đây cũng là cơ sở để giảm thiểu rủi ro của đợt chào bán.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động điều chỉnh nhu cầu vốn lưu động với mức huy động vốn tương ứng cũng như tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng sau khi chào bán cổ phiếu

5.1. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ làm tăng khối lượng cổ phiếu đang lưu hành dẫn đến tiềm ẩn rủi ro pha loãng giá cổ phiếu đối với nhà đầu tư.

Giá giao dịch của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng và được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Như vậy, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá cổ phiếu của NTWA sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{P_{R(t-1)} + I * P_R}{1 + I}$$

(Nguồn : website UBCKNN)

Trong đó:

$P_{R(t-1)}$: là giá giao dịch của Công ty ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

P_R : là giá bán cổ phiếu bình quân trong đợt phát hành thêm.

I : là tỷ lệ tăng vốn.

Ví dụ:

Giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách: 11.000 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu phát hành thêm: 10.500 đồng/cổ phiếu.

Tỷ lệ tăng vốn 66,67% (tương ứng tỷ lệ thực hiện quyền là 3:2).

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{11.000 \times 3 + 10.500 \times 2}{5} = 10.800$$

Như vậy, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 10.800 đồng.

5.2. Rủi ro pha loãng EPS sau khi chào bán

Nhà đầu tư nên lưu ý đến ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu mới sẽ làm pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 3.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 2.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành: 5.000.000 cổ phiếu

$$\text{Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Khối lượng cổ phiếu lưu hành trong kỳ}}$$

Ví dụ:

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính 2012 là 27.953.186.000 đồng.
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty tính trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành (lúc chưa phát hành thêm cổ phiếu) :

$$\text{EPS} = \frac{27.953.186.000}{3.000.000} = 9.317 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- Thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty sau khi phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu:

$$\text{EPS} = \frac{27.953.186.000}{5.000.000} = 5.590 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, thu nhập trên một cổ phiếu trong năm 2012 của Công ty sau khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ giảm 3.727 đồng/cổ phần so với trường hợp Công ty không thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

6. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

| | |
|---------------------|-----------------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Trưởng Ban kiểm soát |
| Ông Trần Văn Thù | Kế toán trưởng |

2. Tổ chức tư vấn phát hành

Ông: Lâm Đạo Thảo Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn phát hành với Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch cung cấp

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi đã điều tra và thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ, cụm từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

| | |
|----------------------------------|---|
| UBCKNN | : Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước |
| Công ty, NTWA, tổ chức phát hành | : Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch |
| Tổ chức tư vấn, ORS | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông |
| DHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| CNĐKKD | : Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| BCTC | : Báo cáo tài chính |
| UBND | : Ủy ban Nhân dân |
| BCTN | : Báo cáo thường niên |
| CTCP | : Công ty cổ phần |

| | | |
|------|---|---|
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| ORS | : | Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông |

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định tại luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch tiền thân là Xí nghiệp Nước Nhon Trạch, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Năm 1997, Xí nghiệp Nước Nhon Trạch được thành lập theo Quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở xây dựng Đồng Nai và đến tháng 08/2004 UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 3536/QĐ.CT.UBT ngày 11/8/2004.

Tháng 9/2007, Xí nghiệp nước Nhon Trạch chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhon Trạch thành Công ty cổ phần”; được đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động ngày 24/01/2008 và được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 ngày 14/2/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 18/05/2012

1.2. Giới thiệu về Công ty

| | | |
|---------------|---|---|
| Tên công ty | : | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH |
| Tên tiếng Anh | : | Nhon Trach Water Supply Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | : | NTWA |



| | | |
|--------------|---|--|
| Logo | : | |
| Trụ sở chính | : | Khu công nghiệp Nhon Trạch, Đường 319B, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| Điện thoại | : | (84-61) 3560 574 |

- ✚ Fax : (84-61) 3560 031
- ✚ Giấy CNĐKKD : số 3600977120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/05/2012
- ✚ Vốn điều lệ hiện tại : 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng
- ✚ Ngành nghề kinh doanh :
 - Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp.
 - Phân phối nước sạch.
 - Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm.
 - Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước.
 - Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước

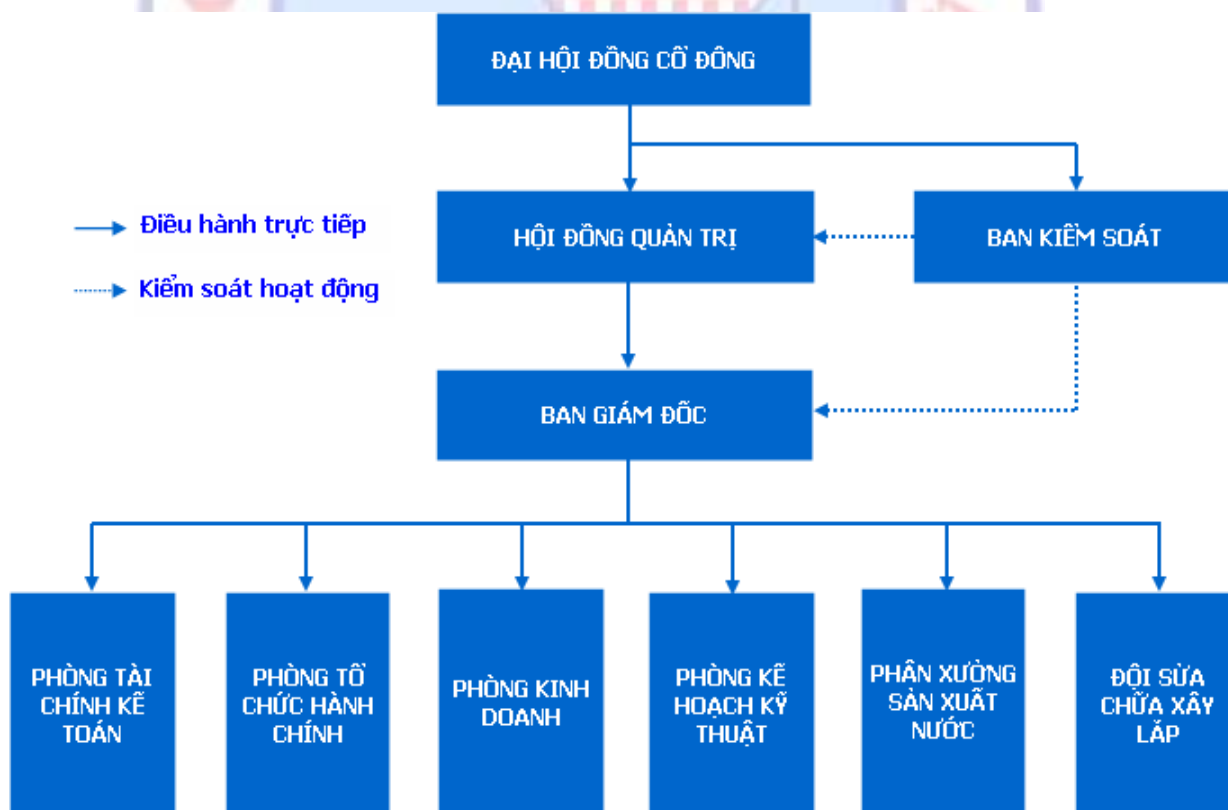
2. Cơ cấu tổ chức của NTWA

Hiện nay Công ty chỉ có một trụ sở chính (gồm trụ sở và nhà xưởng)

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhon Trạch, Đường 319B, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của NTWA

3.1. Sơ đồ cơ cấu quản lý



3.2. Chức năng nhiệm vụ

- ✚ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất trong Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý Công ty; quyết định các phương án phát triển dài hạn của Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và theo pháp luật hiện hành.

+ Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Hội đồng quản trị có quyền quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm, bổ nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức vụ, kiến nghị mức cổ tức hàng năm, tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty cùng các vấn đề khác theo Điều lệ của Công ty.

+ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 3 người do ĐHĐCĐ bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm.

+ Ban Giám đốc

Ban điều hành hiện tại của Công ty gồm có một Giám đốc, một Phó Giám đốc. Ban giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 năm.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHĐCĐ và HĐQT mà không cần phải có quyết định của HĐQT. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công, uỷ nhiệm hoặc uỷ quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty.

+ Phòng Tổ chức - Hành chính

Quản trị nhân sự: Xây dựng các văn bản định chế trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, nhân sự, lao động – tiền lương, theo đúng quy định của pháp luật; Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực; Chế độ tiền lương cho người lao động; Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật;

Quản lý, điều hành công tác hành chính – văn phòng, công tác văn thư – lưu trữ; Giám sát tính thẩm quyền và hình thức văn bản trong việc soạn thảo, ban hành các văn bản hành chính

của đơn vị; Quản lý tài sản, nhà xưởng, đất đai; An toàn bảo hộ lao động; Phòng chống cháy nổ; Công tác bảo vệ trật tự an toàn cơ quan; Công tác bảo vệ nội bộ.

✚ Phòng Tài chính – Kế toán

Giám sát, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác tài chính và hạch toán kế toán của Công ty theo đúng những quy định của pháp luật hiện hành, cũng như thực hiện chế độ báo cáo tài chính cho Công ty theo đúng quy định hiện hành.

Kiến nghị kế hoạch về tài chính, tín dụng và nhu cầu về vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quản trị nội bộ về hiệu quả hoạt động của các bộ phận khác trong Công ty.

✚ Phòng Kinh doanh

Quản lý, điều hành công tác ghi và thu tiền nước; kiểm tra tình hình sử dụng nước; quản lý khách hàng sử dụng nước; giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

✚ Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về cung ứng, dự trữ vật tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm đã thực hiện; nghiên cứu chủ trương, giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng thị trường.

✚ Đội Xây lắp – Cơ khí

Thi công, xây lắp các công trình đường ống cấp thoát nước, bơm nước; sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống mạng lưới cấp nước và máy móc thiết bị của công ty; gia công sản phẩm cơ khí phục vụ cho công tác thi công, xây lắp và sửa chữa đường ống cấp – thoát nước

✚ Phân xưởng sản xuất nước

Sản xuất nước sinh hoạt từ nguồn nước ngầm; điều tiết, cung cấp nước đạt tiêu chuẩn yêu cầu.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty .

| STT | Cổ đông | Số CMND hoặc CNDKKD | Số cổ phần nắm giữ | Hạn chế chuyển nhượng | % Vốn điều lệ |
|-----|---|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------|
| 1 | Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai | 3600977120 | 1.573.121 | 1.573.121 | 52,44% |

Nguồn: NTWA

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

| STT | Cổ đông | Số CMND hoặc CNDKKD | Số cổ phần sở hữu | Hạn chế chuyển nhượng (*) | % Vốn điều lệ |
|-----|---|---------------------|-------------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai | 3600977120 | 1.573.121 | 1.573.121 | 52,44% |
| | Đại diện: | | | | |
| | - Ông Nguyễn Anh Tuấn | | 673.121 | 673.121 | 22,44% |
| | - Ông Ngô Dương Đại | | 300.000 | 300.000 | 10% |
| | - Ông Nguyễn Cao Hà | | 300.000 | 300.000 | 10% |
| | - Ông Nguyễn Tấn Dũng | 300.000 | 300.000 | 10% | |
| 2 | Vốn Nhà đầu tư chiến lược | | 294.000 | 294.000 | 9,8% |
| 3 | Công Đoàn (Đại diện: Ông Võ Quang Hồng) | | 60.000 | 60.000 | 2% |
| 4 | Vốn người lao động | | 35.900 | 35.900 | 1,19% |
| 5 | Cổ đông bên ngoài | | 1.036.979 | 1.036.979 | 34,57% |
| | Tổng cộng | | 3.000.000 | 3.000.000 | 100% |

Nguồn: NTWA

(*): Theo Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định thì trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày 14/02/2008 (ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh), cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn nêu trên các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy, đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

4.3. Cơ cấu cổ đông của công ty.

| STT | Cơ cấu cổ đông | Số cổ đông | Số cổ phần nắm giữ | Giá trị vốn cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----------|---------------------------|------------|--------------------|-----------------------|--------------|
| I. | Cổ đông trong nước | 232 | 2.941.700 | 29.417.000.000 | 98,05 |
| 1. | Tổ chức | 06 | 1.839.061 | 18.390.610.000 | 61,30 |
| 2. | Cá nhân | 226 | 1.102.639 | 11.026.390.000 | 36,75 |



| | | | | | |
|------------|---------------------------|------------|------------------|-----------------------|-------------|
| II. | Cổ đông nước ngoài | 01 | 58.300 | 583.000.000 | 1,95 |
| 1. | Tổ chức | 01 | 58.300 | 583.000000 | 1,95 |
| 2. | Cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 233 | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 100 |

Nguồn: NTWA

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của NTWA, những công ty mà NTWA đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với NTWA:

5.1. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của NTWA:

Công ty mẹ của tổ chức phát hành:

| | |
|-----------------------|---|
| Tên công ty | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI |
| Địa chỉ | 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |
| Điện thoại | (061) 3.843.316 |
| Giấy CNĐKKD | Số 4704000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/4/2004. |
| Vốn điều lệ | 400.000.000.000 đồng |
| Tỷ lệ sở hữu tại NTWA | 52,44% vốn điều lệ, tương ứng 1.573.121 cổ phần |

5.2. Những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

5.3. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với NTWA: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị doanh thu qua các năm:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và công nghiệp.

Doanh thu cung cấp nước chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Ngoài phân phối nước sạch, Công ty còn cung cấp dịch vụ lắp đặt các công trình nước. Năm 2010, mảng hoạt động này chiếm khoảng 4,29% trong doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Năm 2011, doanh thu của mảng này tốt hơn, chiếm 14,11% so với doanh thu thuần. Đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là khu công nghiệp và khu dân cư trên địa bàn hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch thuộc tỉnh Đồng Nai.

Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2010 | | Năm 2011 | | Quý 1/2012 | |
|-------------------------|---------------|------------|----------------|------------|---------------|------------|
| | Doanh thu | Tỷ lệ (%) | Doanh thu | Tỷ lệ (%) | Doanh thu | Tỷ lệ (%) |
| Doanh thu cung cấp nước | 78.141 | 95,71 | 97.816 | 85,89 | 27.962 | 98,18 |
| Doanh thu lắp đặt | 3.504 | 4,29 | 16.063 | 14,11 | 518 | 1,82 |
| Tổng cộng | 81.645 | 100 | 113.879 | 100 | 28.480 | 100 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011 và Quý 1/2012 của NTWA

6.2. Nguyên vật liệu:

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên liệu chính của sản phẩm là nguồn nước sạch. Nước được khai thác từ nguồn nước ngầm hoặc mua từ Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai (Công ty mẹ), sau đó được xử lý sạch thành nước thương phẩm và được chuyển đến các đối tượng tiêu dùng. Các nguyên phụ liệu dùng để xử lý nước bao gồm Clo (Cl_2) và Natri Hydroxyt (NaOH). Các loại hóa chất này chủ yếu được Công ty mua từ Công ty TNHH Một thành viên hóa chất Cơ bản Miền Nam và Nhà máy Hóa chất Biên Hòa (trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên hóa chất Cơ bản Miền Nam).

Natri Hydroxyt (NaOH) được sản xuất theo phương pháp điện phân màng trao đổi ion - là một trong những công nghệ xút hàng đầu trên thế giới. Sản phẩm đạt chất lượng cao, hàm lượng tạp chất thấp.

Clo (Cl_2) được sản xuất từ quá trình điện phân dung dịch muối NaCl.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu cho Công ty

| STT | Nguyên liệu Phụ liệu | Nhà cung cấp | Xuất xứ |
|-----|-----------------------|--|---|
| 1 | Nước | Khai thác từ thiên nhiên. Mua từ Công ty mẹ | Việt Nam |
| 2 | Clo Natri Hydroxyt | Nhà máy Hóa chất Biên Hòa. Công ty TNHH hóa chất Cơ bản Miền Nam. | Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam TP.HCM, Việt Nam |

Nguồn: NTWA

6.2.2. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Nguồn cung cấp nguyên liệu cho công ty nhìn chung khá ổn định do Công ty và các nhà cung cấp có mối quan hệ gắn bó từ rất lâu. Đối với nguyên liệu chính là nước, sản lượng khai thác có bị ảnh hưởng bởi tình hình thời tiết (như hạn hán hay vào mùa khô), tuy nhiên tác động này không nhiều do Công ty luôn chủ động cân đối sản lượng nước khai thác và tiêu thụ. Về phía Công ty mẹ, Công ty luôn được sự hỗ trợ nhất định từ Công ty mẹ, do đó nguồn nguyên liệu nước sạch của Công ty luôn được đảm bảo. Nguồn cung cấp các phụ liệu khác rất ổn định và phong phú.

6.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận:

Ngoài nguồn nước mà Công ty khai thác từ thiên nhiên, các nguồn cung cấp nguyên liệu cho Công ty nhìn chung khá ổn định nên việc biến động về giá cả cũng không đáng kể. Hơn thế nữa, Công ty luôn có sự chuẩn bị kịp thời do đó giá cả nguyên liệu đầu vào có biến động cũng không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, giá nước mà Công ty cung cấp cho người tiêu dùng thì theo quy định của Nhà nước, đồng thời giá nước đầu vào thì do Công ty mẹ quyết định. Vì vậy, việc định giá nước bán ra cũng như giá nước mà Công ty mẹ cung cấp cho Công ty cũng sẽ ảnh hưởng một phần không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3. Cơ cấu chi phí:

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | 31/12/2010 | | 31/12/2011 | | 31/03/2012 | |
|------------------------------|------------|-------------|------------|-------------|------------|-------------|
| | Giá trị | % Doanh thu | Giá trị | % Doanh thu | Giá trị | % Doanh thu |
| Giá vốn hàng bán | 60.138 | 73,66% | 73.979 | 64,96% | 15.175 | 53,285 |
| Chi phí bán hàng | 212 | 0,26% | 228 | 0,20% | 37 | 0,13% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.334 | 4,08% | 3.252 | 2,86% | 581 | 2,04% |
| Tổng cộng chi phí | 63.684 | 78% | 77.459 | 68,02% | 15.793 | 55,45% |
| Doanh thu thuần | 81.645 | | 113.879 | | 28.480 | |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011 và Quý 1/2012 của NTWA

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ, phân phối nước sạch nên chi phí kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào giá vốn của các nhà cung cấp và chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong hai năm qua, Công ty đã có nhiều nỗ lực để quản lý tốt chi phí nhằm tăng lợi nhuận kinh doanh, và giữ một mức tỷ trọng cân đối so với doanh thu qua các năm.

6.4. Trình độ công nghệ:

Công ty là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Đồng Nai, như là một chi nhánh cấp nước của Tổng Công ty. Quy trình xử lý nước sạch thành nước thương phẩm chủ yếu sử dụng các loại hóa chất, phụ phẩm, do đó công nghệ của Công ty không có được sự đầu tư lớn. Đây cũng là đặc thù của ngành cấp nước cũng như một số ngành dịch vụ tiện ích khác. Tuy nhiên, với vai trò và sự tiện ích của công nghệ thông tin, Công ty đã mạnh dạn đầu tư để có thể ứng dụng vào quá trình sản xuất kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, cũng như việc quản lý khách hàng nhằm chuyên nghiệp hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều đó thể hiện việc Công ty luôn chú trọng vào nguồn lực con người trong để khai thác tối đa những tiềm năng, những lợi thế sẵn có của mình.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Qua nhiều năm hoạt động từ sau khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp cho đến nay, công ty đang tập trung nâng cấp mạng lưới cung cấp nước nhằm giảm thiểu việc thất thoát nước. Đồng thời, với đặc thù của ngành nên tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty chưa được triển khai.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

6.6.1. Hệ thống quản lý đang áp dụng:

Công ty luôn đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng sản phẩm phải luôn theo đúng với các quy định theo tiêu chuẩn 1329/2002/BYT/QĐ của Bộ Y tế. Các tiêu chí về chất lượng luôn được giám sát và kiểm tra chặt chẽ, bởi đây là một trong các nhân tố quan trọng nhất để nâng cao doanh số bán hàng của Công ty.

6.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

Công ty luôn có đội ngũ cán bộ kiểm tra chất lượng sản phẩm để rà soát và nghiệm thu thành phẩm, sản phẩm được đưa ra từ các công đoạn xử lý nước. Việc kiểm tra được thực hiện ngay từ khi thu mua hoặc khai thác nguồn nước nguyên liệu cho đến khi trở thành nước thương phẩm. Ngoài ra Công ty cũng phối hợp cùng với các cơ quan quản lý về việc kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm cung cấp cho khách hàng một sản phẩm nước sạch có chất lượng tốt nhất và đảm bảo vệ sinh an toàn.

6.7. Hoạt động Marketing:

Hệ thống tiếp thị và Marketing của Công ty chưa được chú trọng phát triển như một số doanh nghiệp ngành thương mại và dịch vụ khác nhưng việc phục vụ và chăm sóc khách hàng thì Công ty đã từng bước cải thiện nhằm giữ vững một lượng khách hàng lâu năm cũng như hiện tại. Công ty luôn thực hiện tốt các dịch vụ cung cấp nước của mình. Qua đó, khai thác tốt và có hiệu quả các khách hàng tiềm năng. Việc cải cách các thủ tục hành chính, phối hợp tốt với

chính quyền địa phương đã góp phần tăng tính minh bạch trong hoạt động của Công ty cũng như giảm thiểu sự phiền hà từ phía khách hàng.

6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Logo của Công ty:



6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (nêu tên, trị giá, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng): Không có

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2010, 2011, Quý 1/2012:

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty:

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chi tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Tăng/giảm (%) | Quý 1/2012 |
|-----|-----------------------------------|----------|----------|---------------|------------|
| 1 | Tổng tài sản | 71.356 | 88.028 | 23,36% | 95.499 |
| 2 | Doanh thu thuần | 81.645 | 113.879 | 39,48% | 28.480 |
| 3 | Giá vốn hàng bán | 60.138 | 73.979 | 23,02% | 15.175 |
| 4 | Chi phí tài chính | - | - | - | - |
| 5 | Chi phí bán hàng | 212 | 228 | 7,55% | 37 |
| 6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.334 | 3.252 | (2,46%) | 581 |
| 7 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 18.459 | 37.206 | 101,56% | 12.979 |
| 8 | Lợi nhuận khác | 15 | 9 | (40,00%) | - |
| 9 | Lợi nhuận trước thuế | 18.474 | 37.215 | 101,45% | 12.979 |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế | 13.855 | 27.911 | 101,45% | 9.734 |
| 11 | Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá | 15% | 25% | 66,67% | - |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011, Quý 1/2012 của NTWA

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng khá cao và ổn định trong những năm qua. Năm 2011 doanh thu thuần của Công ty là 113,8 tỷ đồng, tăng 39,48% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 là 27,9 tỷ đồng, tăng hơn 101% so với năm 2010.

Khó khăn

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2010 và 2011 cũng có một số trở ngại do tác động tiêu cực từ những biến động của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới từ những năm trước. Hạn chế về vốn kinh doanh cũng khiến cho Công ty gặp phải một số khó khăn trong việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước. Năm 2011 cũng là năm thứ tư Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nên cơ cấu tổ chức và hoạt động vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, tiếp tục triển khai ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin trong quản lý quá trình sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước sạch đến các xã anh hùng, vùng nông thôn, khu vực đặc biệt khó khăn... với chi phí cao mà giá bán chưa hợp lý cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Thuận lợi

Năm 2011 hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả rất khả quan. Doanh thu cũng như lợi nhuận tăng cao so với năm 2010. Kết quả khả quan này có được là do Công ty đã nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai (công ty mẹ) về nguồn nước và mạng lưới chuyển tải, giúp Công ty giảm bớt áp lực cấp nước vào mùa khô. Bên cạnh đó, giá nước bán ra được điều chỉnh tăng theo quy định của Nhà nước cũng có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, ban điều hành Công ty cũng đã có những giải pháp hợp lý, triển khai kịp thời công tác điều hành hoạt động của Công ty, từ đó giúp Công ty hoàn thành được những kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Khách hàng của Công ty đa số là khách hàng lớn và nằm tập trung trong các khu công nghiệp nên thuận lợi trong công tác quản lý và ghi thu. Mạng lưới cấp nước do Công ty Quản lý ít, tỷ lệ thất thoát nước thấp, hiệu quả kinh tế cao.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1. Vị thế của NTWA trong ngành:

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch có năng lực sản xuất hiện tại tương đối tốt và không ngừng cải thiện. Năm 2010 và 2011 mặc dù gặp nhiều trở ngại, Công ty đã thực hiện cung cấp nước ổn định đảm bảo cho sản xuất và sinh hoạt của khách hàng. Kết quả kinh doanh tích cực có được, ngoài lý do từ những nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ rất lớn từ Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai. Đây là một thuận lợi rất lớn giúp Công ty đẩy mạnh phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đang có kế hoạch và đang triển khai một số dự án đầu tư như nâng cao năng suất khai thác nước, cải tạo một số mạng lưới đường ống dẫn,

xây dựng hệ thống cấp nước cho các khu công nghiệp, xây dựng văn phòng làm việc,... Công ty cũng có kế hoạch tăng vốn điều lệ tương ứng với việc mở rộng quy mô hoạt động. Với những bước đi này, năng lực sản xuất và cung ứng dịch vụ của Công ty sẽ được gia tăng đáng kể, khả năng cạnh tranh của Công ty sẽ được cải thiện tốt hơn, đồng thời tạo một tiền đề vững chắc giúp Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

8.2. Triển vọng phát triển ngành:

Tỉnh Đồng Nai là một trong các địa bàn có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá tốt, đặc biệt là tăng trưởng công nghiệp. Ngoài ra, đây cũng là địa phương thu hút khá nhiều các dự án đầu tư nước ngoài. Các yếu tố này tạo nên tiềm năng tăng trưởng khá cao về nhu cầu tiêu dùng nước cho công nghiệp.

Mặt khác, Đồng Nai cũng là tỉnh có tốc độ đô thị hóa khá cao, đây là nhân tố quan trọng tạo ra nhu cầu tiêu dùng nước trong khu vực dân cư. Sự tăng trưởng số lượng khách hàng cũng như những đòi hỏi ngày càng tăng về chất lượng sản phẩm là những tiềm năng phát triển rất đáng lưu ý đối với lĩnh vực cấp nước trên địa bàn. Hơn thế nữa, thu nhập của người dân có xu hướng ngày càng tăng sẽ tác động tích cực đến cách tiêu dùng, tâm lý chi tiêu nhiều hơn đối với các sản phẩm thiết yếu, trong đó có nước sạch đáp ứng cho nhu cầu hàng ngày.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên Thế giới:

Ngành cấp nước là một ngành kinh doanh có tính chất ổn định cao do sản phẩm nước sạch là sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu tiêu dùng. Trong tương lai, một khi các quy định về giá bán (như hiện tại) được dỡ bỏ, thì biên độ lợi nhuận của các công ty trong ngành là khá ổn định, những khó khăn do biến động chi phí đầu vào sẽ dễ dàng được giải quyết.

Đối với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, tốc độ tăng trưởng hạ tầng cơ sở nhanh chóng mở ra những cơ hội đáng kể cho sự phát triển chung của ngành. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm – dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người dân cũng ngày càng nâng cao là những thuận lợi để các công ty cải tiến quy mô và chất lượng kinh doanh theo chiều hướng tích cực. Riêng đối với tỉnh Đồng Nai, là địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội rất tốt so với cả nước, triển vọng tăng trưởng ngành cấp nước càng rõ ràng hơn. Các quyết định đầu tư cải tiến và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch sẽ giúp Công ty dần dần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, và tăng tính cạnh tranh chuẩn bị cho sự thay đổi về môi trường kinh doanh trong tương lai.

9. Chính sách đối với người lao động.

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 74 người lao động. Cơ cấu người lao động phân chia theo trình độ học vấn như sau:

Cơ cấu lao động**✚ Phân loại theo trình độ lao động**

| Chỉ tiêu | Số người | Tỷ lệ |
|------------|----------|--------|
| Đại học | 20 | 27,03% |
| Cao đẳng | 11 | 14,86% |
| CNKT, nghề | 34 | 45,95% |
| Khác | 09 | 12,16% |
| Cộng | 74 | 100% |

✚ Phân loại theo phân công lao động

| Chỉ tiêu | Số người | Tỷ lệ |
|-------------------|----------|--------|
| Ban giám đốc | 03 | 4,05% |
| Bộ phận Văn phòng | 19 | 25,68% |
| Bộ phận Sản xuất | 43 | 58,11% |
| Bộ phận khác | 09 | 12,16% |
| Cộng | 74 | 100% |

Nguồn: NTWA**9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực tương xứng với quy mô hoạt động. Các chính sách nhân sự được đặt ra với mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, đồng thời dần cải tiến thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và công bằng.

Cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo tay nghề cho công nhân nhằm nâng bậc tay nghề. Các cán bộ quản lý được Công ty hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên ngành,... Công ty cũng khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, trau dồi trình độ chuyên môn. Công ty cũng tổ chức các chuyến du lịch nghỉ dưỡng cho nhân viên và có chế độ thưởng tương xứng thành quả lao động đạt được.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức chi trả cổ tức cho từng năm phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Công ty chi trả cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ cổ tức là 15% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ-NTWA ngày 27/04/2011 và chi trả cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2012/ĐHĐCĐ-NTWA ngày 27/04/2012.

11. Tình hình tài chính**11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:****11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định:**

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Số năm khấu hao tài sản cố định đang áp dụng phù hợp với trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao (năm) ước tính của tài sản

| STT | Khoản mục tài sản | Thời gian khấu hao |
|-----|---------------------------------|--------------------|
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-06 |
| 2 | Máy móc, thiết bị | 05-07 |
| 3 | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06-10 |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 03-05 |
| 5 | Tài sản cố định vô hình | 03 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011, Quý 1/2012 của NTWA

11.1.2. Mức lương bình quân:

Thu nhập của người lao động trong Công ty được cải thiện hằng năm. Công ty luôn có các chính sách, chế độ lương thưởng tốt cho người lao động nhằm thu hút thêm người lao động mới cũng như giữ những người lao động cũ gắn kết với Công ty. Thu nhập của người lao động trong Công ty luôn được cải thiện hằng năm.

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Đến thời điểm ngày 31/03/2012, Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo Luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác theo quy định của Nhà nước.

Số dư các khoản phải nộp theo luật định:

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 31/03/2012 |
|---------------------------------------|--------------|--------------|--------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 124 | 899 | 222 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.831 | 5.255 | 3.245 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 50 | 5 | 52 |
| Thuế tài nguyên | 525 | 143 | 176 |
| Phí lệ phí và các khoản phải nộp khác | 21 | 34 | 33 |
| Tổng cộng | 2.551 | 6.336 | 3.728 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011, Quý 1/2012 của NTWA

11.1.5. Trích lập các quỹ theo Luật định:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Các quỹ | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 31/03/2012 |
|-----|--------------------------|--------------|---------------|---------------|
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | 5.556 | 12.833 | 12.833 |
| 2 | Quỹ dự phòng tài chính | 741 | 1.434 | 1.434 |
| 3 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.196 | 2.282 | 2.244 |
| 4 | Tổng cộng | 7.493 | 16.549 | 16.511 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011, Quý 1/2012 của NTWA

Hàng năm Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng 25% vốn điều lệ của Công ty. Các quỹ khác được trích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11.1.6. Tổng dư nợ vay:

Số dư nợ vay của công ty như sau: Đến thời điểm ngày 31/03/2012 Công ty không có khoản nợ vay ngắn hạn hay dài hạn nào.

11.1.7. Tình hình công nợ:**Chi tiết các khoản phải thu**

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 31/03/2012 |
|-----|------------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Phải thu khách hàng | 9.494 | 13.157 | 14.193 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 718 | 337 | 663 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 173 | 91 | 16 |
| 4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | - | - | - |
| 5 | Tổng cộng | 10.385 | 13.585 | 14.872 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011 và Quý 1/2012 của NTWA

Chi tiết các khoản phải trả

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chi tiêu | 31/12/2010 | 31/12/2011 | 31/03/2012 |
|----------|--|---------------|---------------|---------------|
| 1 | Phải trả người bán | 8.680 | 513 | 3.675 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 1.444 | 182 | 83 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.529 | 6.302 | 3.695 |
| 4 | Phải trả người lao động | 4.681 | 5.044 | 2.497 |
| 5 | Chi phí phải trả | - | - | - |
| 6 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 578 | 889 | 755 |
| 7 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - |
| 8 | Tổng cộng | 17.912 | 12.930 | 10.705 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011 và Quý 1/2012 của NTWA

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2010 | Năm 2011 | Quý 1/2012 |
|--|--------|----------|----------|------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> | Lần | 1,05 | 2,02 | 3,03 |
| - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,81 | 1,70 | 2,62 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,27 | 0,17 | 0,14 |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,37 | 0,21 | 0,16 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> | Lần | 12,78 | 15,52 | 2,85 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 1,14 | 1,29 | 0,30 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 16,97 | 24,51 | 34,18 |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 26,55 | 38,38 | 11,81 |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 19,42 | 31,71 | 10,19 |
| - Hệ số Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 22,61 | 32,67 | 45,57 |

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2010, 2011 và Quý 1/2012 của NTWA

12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**12.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:**

| STT | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | |
|----------------|-----------------------|--|
| | Họ và tên | Chức vụ |
| 1 | Nguyễn Anh Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc |
| 2 | Ngô Dương Đại | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 3 | Nguyễn Cao Hà | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4 | Nguyễn Thanh Bình | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5 | Nguyễn Chí Quốc | Thành viên Hội đồng quản trị |
| BAN KIỂM SOÁT | | |
| | Họ và tên | Chức vụ |
| 1 | Nguyễn Tấn Dũng | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Phùng Thị Thu Giang | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Nguyễn Thị Phương Lan | Thành viên Ban kiểm soát |
| BAN GIÁM ĐỐC | | |
| | Họ và tên | Chức vụ |
| 1 | Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc |
| 2 | Võ Quang Hồng | Phó Giám đốc |
| KẾ TOÁN TRƯỞNG | | |
| | Họ và tên | Chức vụ |
| 1 | Trần Văn Thùy | Kế toán trưởng |

12.2. Lý lịch các thành viên chủ chốt:**1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Nguyễn Anh Tuấn - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc



- Ngô Dương Đại - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Nguyễn Cao Hà - Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Nguyễn Thanh Bình - Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Nguyễn Chí Quốc - Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN ANH TUẤN

- Ngày sinh : 05/5/1967
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Chứng minh nhân dân : Số 271599468 do CA. Đồng Nai cấp ngày 08/6/2001
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : P2 D1 Đường Cách Mạng Tháng Tám, P.Thanh Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
- Từ năm 1986 đến năm 1988 : Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành – Đồng Nai
 - Từ năm 1988 đến năm 1989 : Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai
 - Từ năm 1989 đến năm 1997 : Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
 - Từ năm 1997 đến hiện nay : Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch
- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ :
- Cá nhân nắm giữ : 12.000 cổ phần, chiếm 0,4% vốn điều lệ
 - Đại diện nắm giữ : 673.121 cổ phần, chiếm 22,44% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai)
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không có
- Các khoản nợ đối với công ty : Không có



Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

Ông NGÔ DƯƠNG ĐẠI

Ngày sinh : 09/12/1979

Nơi sinh : Hà Nội

Chứng minh nhân dân : Số 012049748 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/12/2011.

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : D14, KP4, Tổ 22C, Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

Từ năm 2001 đến tháng 5/2012 : Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai nay là Công ty TNHH 1 TV Cấp nước Đồng Nai

Từ tháng 6/2012 đến nay : Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT kiêm thư ký Giám Đốc.

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ : 300.000 cổ phần

- Cá nhân nắm giữ : Không

- Đại diện nắm giữ : 300.000 cổ phần, chiếm 10 % vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai)

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

Ông NGUYỄN CAO HÀ



Ngày sinh : 15/10/1970

Nơi sinh : Quảng Bình

Chứng minh nhân dân : Số 271040733 do CA. Đồng Nai cấp ngày 27/8/1999

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 18L Cư Xá Phúc Hải, P.Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ năm 1990 đến năm 1998 : Xí nghiệp Gạch ngói 3/2 – thuộc Sở Xây dựng Đồng Nai
- Từ năm 1998 đến năm 2003 : Quỹ tín dụng Trung Ương Đồng Nai
- Từ năm 2003 đến năm 2007 : Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
- Từ năm 2007 đến T6/2010 : Xí nghiệp nước Nhơn Trạch Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch
- Từ T7/2010 đến nay : Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó phòng tài vụ Công ty TNHH 1 thành viên Cấp nước Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ :

- Cá nhân nắm giữ : 1.800 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Đại diện nắm giữ : 300.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai)

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có



Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

Ông NGUYỄN THANH BÌNH

Ngày sinh : 25/5/1954

Nơi sinh : Thừa Thiên Huế

Chứng minh nhân dân : Số 271904166 do CA. Đồng Nai cấp ngày 18/8/2004

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 96 Hà Huy Giáp, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Cao học Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

- Từ năm 1977 đến năm 1993 : Sở Tài chính Vật Giá tỉnh Gia Lai – Kontum
- Từ năm 1997 đến hiện nay : Công ty TNHH Một Thành viên Tín Nghĩa

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Tín Nghĩa

Số cổ phần nắm giữ : 114.740 cổ phần

- Cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện nắm giữ : 114.740 cổ phần, chiếm 3,82% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Tín Nghĩa)

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

Ông NGUYỄN CHÍ QUỐC

Ngày sinh : 10/10/1969

Nơi sinh : Quảng Ngãi

Chứng minh nhân dân : Số 271511260 do CA. Đồng Nai cấp ngày

08/9/2010

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 4/D1, KP1, P.Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Cử nhân cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác :

- Từ năm 1994 đến năm 1996 : Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5
- Từ năm 1997 đến năm 2000 : Công ty Cổ phần Xây Dựng số 2
- Từ năm 2000 đến hiện nay : Công ty TNHH Nguyễn Hoàng

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Tín Nghĩa.

Số cổ phần nắm giữ : 44.100 cổ phần

- Cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện nắm giữ : 44.100 cổ phần, chiếm 1,47% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH Nguyễn Hoàng)

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

2. BAN GIÁM ĐỐC

- Nguyễn Anh Tuấn - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Anh Tuấn đã được trình bày ở mục 1. Hội đồng quản trị)

- Võ Quang Hồng - Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn

Ông VÕ QUANG HỒNG

Ngày sinh : 19/7/1958



Nơi sinh : Vũng Tàu

Chứng minh nhân dân : Số 270651047 do CA. Đồng Nai cấp ngày 07/9/2006

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 104 Đường Lý Nam Đế, P.Xuân An, TX.Long Khánh, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cấp thoát nước

Quá trình công tác :

- Từ năm 1978 đến năm 2002 : Xí nghiệp Nước Long Khánh – Đồng Nai
- Từ năm 2002 đến hiện nay : Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ : 62.800 cổ phần

- Cá nhân nắm giữ : 2.800 cổ phần, chiếm 0,093% vốn điều lệ
- Đại diện nắm giữ : 60.000 cổ phần, chiếm 2% vốn điều lệ (đại diện Công đoàn)

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

3. BAN KIỂM SOÁT

- Nguyễn Tấn Dũng - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Phùng Thị Thu Giang - Chức vụ: Ủy viên Ban kiểm soát
- Nguyễn Thị Phương Lan - Chức vụ: Ủy viên Ban kiểm soát

Ông NGUYỄN TẤN DŨNG



Ngày sinh : 22/8/1959

Nơi sinh : Vĩnh Phú

Chứng minh nhân dân : Số 270029294 do CA. Đồng Nai cấp ngày 02/01/1999

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : G5, Tổ 3, KP1, Đường Nguyễn Ái Quốc, P.Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác :

- Từ năm 1980 đến năm 1995 : Chuyên viên tài chính Sở Xây dựng Đồng Nai
- Từ năm 1996 đến năm 1997 : Chuyên viên tài chính Cục Quản lý vốn và tài sản Đồng Nai
- Từ năm 1997 đến hiện nay : Kế toán Trưởng Ban Quản lý các dự án cấp nước- Công ty TNHH Một Thành viên Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai nay là Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó phòng tài vụ Công ty TNHH Một Thành viên Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai nay là Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.

Số cổ phần nắm giữ : 300.000 cổ phần

- Cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện nắm giữ : 300.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH Một Thành viên Cấp Nước Đồng Nai)

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

**Bà PHÙNG THỊ THU GIANG**

Ngày sinh : 21/01/1980

Nơi sinh : Bến Tre

Chứng minh nhân dân : Số 273115992 do CA. Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 03/9/1998

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 45/15A Thùy Vân, P.2, Vũng Tàu

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ năm 2002 đến hiện nay : Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Số cổ phần nắm giữ: 500 cổ phần

- Cá nhân nắm giữ : 500 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện nắm giữ : Không có

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Ngày sinh : 26/9/1957

Nơi sinh : Tp.HCM

Chứng minh nhân dân : Số 020677871 do CA. Tp.HCM cấp ngày 21/4/1998

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 176/44Bis Dương Quảng Hàm, P.5, Gò Vấp, Tp.HCM



Trình độ chuyên môn : Cử nhân Sư Phạm - Ngành hóa sinh

Quá trình công tác :

- Từ năm 2001 đến hiện nay : Phó Giám đốc Công ty TNHH PTP

Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Ban kiểm soát

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Giám đốc Công ty TNHH PTP

Số cổ phần nắm giữ : Không có

- Cá nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện nắm giữ : Không có

Số cổ phần của những người có liên quan : Không có

Các khoản nợ đối với công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty : Không có

4. KẾ TOÁN TRƯỞNG

- ÔNG TRẦN VĂN THÙY -

Ngày sinh : 08 - 8 - 1979

Nơi sinh : Nam Định

Chứng minh nhân dân : 272506332 do C.A Đồng Nai cấp ngày 01/3/2012

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 423 - Tổ 18 - Ấp Bến Sắn - Phước Thiện - Nhơn Trạch - Đồng Nai.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ năm 2001 đến hiện nay : Xí nghiệp nước Nhơn Trạch nay là Công ty Cổ

phần Cấp nước Nhơn Trạch.

| | | |
|---|---|----------------|
| Chức vụ tại tổ chức phát hành | : | Kế toán trưởng |
| Chức vụ tại tổ chức khác | : | Không |
| Số cổ phần nắm giữ: | | 500 cổ phần |
| - Cá nhân nắm giữ | : | 500 cổ phần |
| - Đại diện nắm giữ | : | 0 cổ phần |
| Số cổ phần của những người có liên quan | : | Không có |
| Các khoản nợ đối với công ty | : | Không có |
| Lợi ích liên quan đối với công ty | : | Không có |
| Quyền lợi mâu thuẫn đối với công ty | : | Không có |

13. Tài sản:

Danh mục tài sản của Công ty thời điểm 31/03/2012 như sau

DVT: Triệu đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại | Tỷ lệ còn lại |
|---------------------------------|----------------|----------------|-----------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 13.357 | 9.760 | 3.597 | 26,93 |
| Máy móc thiết bị | 12.959 | 9.785 | 3.174 | 24,48 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 80.023 | 31.325 | 48.698 | 60,86 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 599 | 399 | 200 | 33,39 |
| Tổng cộng | 106.938 | 51.269 | 55.669 | 52,06 |

Nguồn: BCTC kiểm toán Quý 1/2012 của NTWA

Ngoài ra, hiện nay Công ty đang quản lý và sử dụng 36.183m² diện tích đất (được nêu chi tiết theo danh sách sau đây). Tuy nhiên, Công ty chỉ được sử dụng phần diện tích đất này phục vụ các dự án khai thác và cấp nước (không có thời hạn sử dụng), không được sử dụng cho các mục đích kinh doanh khác.

Danh sách đất đai thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty đến ngày 31/03/2012 như sau:

Danh sách đất đai của Công ty

| Khu đất / Mục đích sử dụng | Địa chỉ | Diện tích |
|---------------------------------------|---|-----------------------|
| Nhà máy nước Nhon Trạch | Đường 319B Khu công nghiệp Nhon Trạch, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai | 15.000m ² |
| Nhà máy nước Nhon Trạch (mở rộng) | Đường 319B Khu công nghiệp Nhon Trạch, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai | 10.000m ² |
| Trạm bơm tăng áp Phú Hữu | Ấp Cát Lái, xã Phú Hữu, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai | 2.500m ² |
| Trạm bơm nước Đại Phước | Ấp Phước Lý, xã Đại Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai | 1.065m ² |
| Trạm bơm nước Đại Phước (mở rộng) | Ấp Phước Lý, xã Đại Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai | 2.575,9m ² |
| Trạm cấp nước Đê Ông Kèo | Ấp Chính Nghĩa, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai | 250m ² |
| Trạm bơm tăng áp Long Thành | Quốc lộ 51A, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai | 1.945,0m ² |
| Trạm bơm tăng áp Long Thành (mở rộng) | Khu quy hoạch trụ sở, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai | 2.847,1m ² |
| Cộng | | 36.183m ² |

Nguồn: NTWA

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2012:**14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2012:**

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2011 | Kế hoạch năm 2012 | Tăng/giảm 2012/2011 |
|--|--------------------|-------------------|---------------------|
| Doanh thu thuần | 113.879 | 124.236 | 9,09 % |
| Lợi nhuận sau thuế | 27.911 | 27.953 | 0,15 % |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 24,51 % | 22,50 % | (8,20) % |

| | | | |
|--------------------------------------|---------|---------|----------|
| Vốn điều lệ dự kiến | 30.000 | 50.000 | 66,67% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | 93,04 % | 55,91 % | (39,90%) |
| Cổ tức (% mệnh giá) | 25 % | 20 % | - |

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhon Trạch

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch trên:

Năm 2012 hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ đạt kết quả như trên một phần là do được sự hỗ trợ từ Công ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (công ty mẹ) về nguồn nước và mạng lưới chuyên tải, giúp Công ty giảm bớt áp lực cấp nước vào mùa khô. Bên cạnh đó, giá nước bán ra sẽ được điều chỉnh tăng theo quy định của Nhà nước cũng có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hiện công ty đã mở rộng nâng công suất trạm bơm Đại phước lên 2.500m³/ ngày đêm, khai thác sử dụng nguồn nước ngầm tại chỗ cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư trên địa bàn xã Đại Phước và Phú Hữu.

Công ty cũng đã và đang mở rộng phạm vi cấp nước, tăng khách hàng tại một số tuyến cấp nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp và một số khu dân cư có tuyến ống đi qua tại 2 huyện Long Thành và Nhon Trạch.

Sự phục hồi của nền kinh tế sẽ kéo theo các dự án mới sẽ được đầu tư. Nhu cầu sử dụng nước theo đó sẽ tăng lên cũng có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả SXKD của công ty.

Mặt khác, ban điều hành Công ty là những người có năng lực, tâm huyết sẽ có những giải pháp hợp lý, triển khai kịp thời công tác điều hành hoạt động của Công ty, từ đó giúp Công ty hoàn thành được những kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

14.3. Một số kế hoạch đầu tư đang và sẽ thực hiện:

Trong thời gian sắp tới, Công ty dự kiến triển khai thực hiện một số dự án cụ thể như:

- Cải tạo nâng công suất trạm bơm Đại Phước lên 2.500m³/ngày đêm, xây dựng 06 giếng, trạm xử lý và Cải tạo lại hệ thống mạng lưới đường ống phục vụ cho dân cư dọc tuyến đường 25A và các vùng lân cận.
- Khoan thăm dò và khai thác các giếng khoan Nhon Trạch nâng công suất lên 20.000 m³/ngày đêm;
- Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc công ty với quy mô 5 tầng;
- Lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước công suất 2.800 m³/ngày đêm cung cấp nước cho Khu công nghiệp Ông Kèo xã Phước Khánh và khu dân cư xã Vĩnh Thanh huyện Nhon Trạch.

- Lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, Cụm công nghiệp Tam An và các khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch.
- Chuyển nhượng tài sản cố định từ Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (mua lại từ Công ty mẹ) gồm:
 - Hệ thống cấp nước khu trung tâm 71ha – huyện Nhơn Trạch
 - Hệ thống cấp nước thị trấn Long Thành
 - Hệ thống cấp nước sân Golf Long Thành
 - Hệ thống cấp nước đến Khu công nghiệp Tam Phước.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã tiến hành thu thập các thông tin cần thiết, nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Trong tình hình kinh tế khó khăn của năm 2010 và 2011, NTWA cũng đạt được những thành quả tích cực, hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận được ĐHCĐ thường niên đã đề ra trong năm. Đồng thời, kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn sắp tới của NTWA được xây dựng trên nguyên tắc thận trọng, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua và phù hợp với năng lực hiện tại. Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông nhận thấy kế hoạch kinh doanh của NTWA có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới tư cách là một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc vào thời điểm công bố và được cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. Những nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

- #### 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa được thực hiện của NTWA:
- Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch cam kết đưa toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm vào đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung trong thời hạn một năm kể từ khi kết thúc đợt phát hành.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu chào bán: không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 2.000.000 cổ phiếu
- Giá chào bán dự kiến:** 10.500 đồng/cổ phiếu
- Phương pháp tính giá:**

Giá trị một cổ phần tính theo giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2012 như sau

$$\text{Giá trị sổ sách của một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2011 | 31/03/2012 |
|-----|---------------------------|---------------|----------------|----------------|
| 1 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 72.720.775.867 | 82.454.880.513 |
| 2 | Nguồn kinh phí và các quỹ | Đồng | - | - |
| 3 | Số cổ phiếu đang lưu hành | Cổ phiếu | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 4 | Giá trị sổ sách | Đồng/cổ phiếu | 24.240 | 27.485 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 và Quý 1/2012 của NTWA

6. Phương thức phân phối:

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ 3:2, theo đó tại thời điểm chốt danh sách cổ đông mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền, cứ 03 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phiếu mới phát hành thêm.

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phiếu của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm được làm tròn xuống tới hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết (nếu có) sẽ ủy quyền được HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo nguyên tắc không thấp hơn giá phát hành cho

cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số cổ phiếu lẻ phát sinh, thì số cổ phiếu đó được xem như cổ phiếu không phát hành được.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp giấy phép phát hành. Dự kiến trong Quý 3/2012.

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

Quyền ưu tiên mua cổ phiếu sẽ được phân phối theo Danh sách sở hữu cuối cùng và việc phân phối cổ phiếu sẽ được thực hiện theo Danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền do VSD cung cấp:

- **Bước 1:** Thông báo quyền mua cổ phiếu.
 - NTWA phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo quyền ưu tiên mua trước cổ phiếu cho các cổ đông thông qua thành viên lưu ký.
 - Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, NTWA có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- **Bước 2:** Thực hiện quyền ưu tiên mua trước cho cổ đông hiện hữu.
 - Các cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại các thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì đăng ký thực hiện quyền tại NTWA.
 - Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua theo mức giá quy định tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản.
 - Thành viên lưu ký sẽ chuyển toàn bộ tiền mua vào tài khoản Tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của VSD tại Ngân hàng chỉ định thanh toán. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu trong vòng 20 ngày kể từ ngày VSD phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
 - Các thành viên lưu ký lập báo cáo thực hiện quyền chậm nhất trong 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền và gửi báo cáo thực hiện quyền cho VSD. VSD tổng hợp lập báo cáo phân phối cổ phiếu và các thành viên lưu ký nơi khách hàng mở tài khoản gửi Thông báo phân bổ chứng khoán cho khách hàng.
 - Trong thời hạn 20 ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại thành viên lưu ký với thủ tục cụ thể như sau:

- ✓ Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền.
 - ✓ Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán cho các bên liên quan và gửi thông báo Xác nhận quyền mua chứng khoán cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng lập và gửi VSD yêu cầu chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
 - ✓ Sau khi VSD xác nhận việc chuyển nhượng (trong vòng 1 ngày làm việc) và gửi cho các thành viên lưu ký có liên quan, căn cứ vào thông báo của VSD, thành viên lưu ký bên nhận chuyển nhượng gửi Xác nhận quyền mua chứng khoán cho cổ đông nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới phát hành thêm.
 - ✓ Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại tổ chức phát hành.
- **Bước 3:** Kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền ưu tiên mua trước cổ phiếu, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
 - Đồng thời thành viên lưu ký chuyển ngay tiền thanh toán mua chứng khoán của người đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của VSD tại ngân hàng chỉ định để VSD chuyển cho NTWA.
- **Bước 4:** Phân phối chứng khoán
- Vào ngày phát hành, VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
 - Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, thành viên lưu ký sẽ tự động chuyển khoản từ chứng khoán chưa niêm yết sang chứng khoán niêm yết trên tài khoản lưu ký của người đầu tư.

Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở tổ chức phát hành

9. Phương thức thực hiện quyền:

Điều kiện thực hiện quyền:

- Người sở hữu quyền mua do là cổ đông của Công ty, có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng, cứ sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được tương ứng 01 quyền mua, và cứ 03 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phiếu mới phát hành thêm.
- Người sở hữu quyền mua do mua lại, được cho, thừa kế quyền mua của cổ đông có tên trong Danh sách sở hữu cuối cùng và đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng sở hữu quyền mua theo quy định.

Thời gian thực hiện quyền:

- Thời gian thực hiện quyền là 20 ngày kể từ ngày VSD phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký.
- Thời gian chuyển nhượng quyền kể từ ngày VSD phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký và kết thúc trước 2 ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền.

Tỷ lệ thực hiện quyền:

- Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ 03:02. Điều này có nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu đến thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được quyền mua 02 cổ phiếu mới phát hành thêm của Công ty.
- Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua thêm cổ phiếu của mình cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu được làm tròn tới hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết (nếu có) sẽ ủy quyền được HĐQT quyết định người được mua và giá phát hành theo nguyên tắc không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số cổ phiếu lẻ phát sinh, thì số cổ phiếu đó được xem như cổ phiếu không phát hành được.

Các điều khoản có liên quan:

- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần
- số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
- Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản phí nào.
- Người sở hữu quyền mua được bán, cho, tặng toàn bộ hoặc một phần số lượng quyền mua nắm giữ trong thời hạn có hiệu lực, nhưng phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng cho người nhận chuyển nhượng theo quy định về chuyển nhượng quyền.

Trong trường hợp bị mất hoặc thất lạc giấy Thông báo sở hữu quyền mua, người sở hữu quyền mua cũng có thể thực hiện quyền của mình tại nơi mở tài khoản lưu ký hoặc tại Công ty Cổ phiếu Dịch vụ

Bên Thành (trong trường hợp chưa lưu ký cổ phiếu). Tuy nhiên người thực hiện quyền phải điền vào giấy báo mất trong đó có cam kết chịu mọi trách nhiệm có liên quan về việc thực hiện quyền của mình

10. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của công ty đối với người nước ngoài.

Căn cứ theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài trên vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm hiện nay là 1,94%

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Công ty được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600977120 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 18 tháng 05 năm 2012. Theo quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập thì đến thời điểm hiện tại các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập hết hiệu lực.

Việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chỉ được thực hiện một lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

12. Các loại thuế có liên quan:

12.1. Thuế liên quan đến doanh nghiệp:

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12.2. Thuế liên quan đến chứng khoán phát hành:

Theo quy định tại Khoản 3.b, Khoản 4.b, Khoản 9 Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức, chuyển nhượng chứng khoán, nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

✚ Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, thì thu nhập từ đầu tư vốn (bao gồm cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu), chuyển nhượng vốn, thu nhập từ thừa kế chứng khoán, nhận quà tặng là chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân là các thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN.

✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định thu nhập từ chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng chứng khoán là những thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Đồng Nai – Phòng giao dịch Long Thành
- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
- Số hiệu tài khoản: 102010000548252

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Trong đợt phát hành lần này , Công ty phát hành cổ phiếu huy động nhằm Bổ sung vốn lưu động, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ-NTWA ngày 27/04/2011.

2. Phương án khả thi:

Việc tăng vốn nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động để mở rộng mạng lưới đườn g ống Trung tâm huyện Nhơn Trạch và phát triển hệ thống khách hàng . Qua đó Công ty sẽ có đủ năng lực tài chính để có thể cạnh tranh ra bên ngoài. Với nguồn tài chính mới, Công ty sẽ cải thiện tốt hơn về tình hình tài chính, các chỉ tiêu về thanh khoản và các chỉ tiêu về cơ cấu cũng như các chỉ tiêu hoạt động của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ-NTWA ngày 27/04/2011 thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ lên 50 tỷ, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được trong đợt chào bán dự kiến là 21.000.000.000 đồng để bổ sung toàn bộ nguồn vốn lưu động của Công ty.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH (NTWA)

Trụ sở chính KCN Nhơn Trạch, đường 319B, Xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (84-61) 3.560.574

Fax: (84-61) 3.560.031

Website www.ntw.com.vn

- Email: nhotrawa@ntw.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN DTL

Trụ sở chính Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. ĐaKao, Q.1, TP.HCM

Điện thoại (84-8) 3.827.5026

Fax: (84-8) 3.827.5027

Website www.horwathdtl.com

3. Tổ chức tư vấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)

Hội sở

Địa chỉ 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại (84-08) 39 144 290

Fax: (84-08) 39 142 295

E-mail ors@ors.com.vn

Website: www.ors.com.vn

Chi nhánh Tân bình

Địa chỉ 435G-H (Lầu 1) Hoàng Văn Thụ, P4, Q.TB, TP HCM

Điện thoại (84-8) 38 118 924

Fax: (84-8) 38 118 927

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ 260 - 262 Bà Triệu, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (84-04) 39 726 165

Fax: (04) 39 726 165

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2010, 2011 và Quý 1/2012.

Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

Phụ lục V: Hồ sơ pháp lý có liên quan khác.



NHƠN TRẠCH, NGÀY THÁNG NĂM 2012

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH TUẤN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN TẤN DŨNG

TRẦN VĂN THÙY

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG



TỔNG GIÁM ĐỐC